

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP04 MRM+VSP01+P8	7:25	2+5+5	0+0+0		0+4+18	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: VSP01 - MRM - P8	CREW: LTuấn - VThắng - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THỦY	VSP01	34-35	2	11	30	64	KH-THAC	Vietnamese
2	ROGINSKIY DMITRY	VSP01	31	1	14	20	106	ANTOAN	Russian
3	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	42	1	4	32	70	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH THẮNG	VSP01	36	1	4		65	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01	32-33	2	15		75	PSV	Vietnamese
6	POPOV MIKHAIL	MRM	33	1	5	40	170	AMNGR	Russian
7	POGIEV VADIM	MRM	20	1	5		92	AMNGR	Russian
8	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	P8	50-51	2	13		67	YTE	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	53	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	P8	47-48	2	15		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	49	1	10		75	PSV	Vietnamese
12	VŨ TRUNG ĐỨC	P8	52	1	8		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	5	7	48	380	82	4		
2	MRM	2	2	10	262	40	0		
3	P8	5	7	54	352	0	18		
TOTAL		12	16	112	994	122	22		
WEIGHT KG				112	994	122			

GRAND TOAL: 1.228 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK21+PVD1+P10+P7	7:25	5+14+0+0	0+0+0+0		0+0+0+0	0+0+0+0	CHUYEN 22 P10-P7
2		HSD+P4+CTK3	7:45	12+5+4	0+0+0		2+5+1	0+0+0	
3		P5+BK8+BK10	9:25	15+0+0	0+0+0		11+0+0	0+0+0	CHUYEN 4 BK8 BK10

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/GIÀN p4 1 NGƯỜI VỀ ĐI p5

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/01/2022	TO: BK21 - PVD1 - P10 - P7	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - Mạnh - HIẾU	ETA: 09:35
CAM-1			

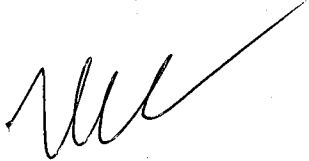
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN ĐỊNH	BK21	09-10	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ HỒNG DƯƠNG	BK21	04-05	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TUÂN NGỌC	BK21	06-07	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
4	THỊNH TUÂN HAI	BK21	08	1	9		90	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT DŨNG	BK21	11-12	2	11		67	XAYLAP	Vietnamese
6	DEMIN IURI	PVD1	95	1	9		102	KHOAN	Russian
7	NGUYỄN SƠN ANH	PVD1	96	1	13		90	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC GIÁP	PVD1	04-05	2	16		58	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CHIÊU	PVD1	94	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ XUÂN VIỆT	PVD1	03	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN MINH	PVD1	08-09	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM BA HOÀNG	PVD1	01-02	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NAM KHANH	PVD1	92-93	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	PVD1	99,300	2	17		81	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN HỒNG THANH	PVD1	06-07	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	PVD1	10-11	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC PHÁT	PVD1	97-98	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC VƯỢNG	PVD1	13	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN DÂN	PVD1	12	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	5	9	74	353	0	0		CHUYEN 22 PAX TU P10 SANG P7
2	PVD1	14	22	214	993	0	0		
3	P10	0	0	0	0	0	0	22	
4	P7	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		19	31	288	1,346	0	0		
WEIGHT KG				288	1,346	0			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: HSD - P4 - CTK3	CREW: Dương - Hạnh - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

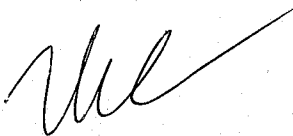
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG HUY	HSD	17,85-86	3	15		77	TLJOC	Vietnamese
2	VŨ ĐÌNH HỢP	HSD	79,99	2	14		82	TLJOC	Vietnamese
3	PHAN THIÊN SƠN	HSD	77-78	2	16		70	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	HSD	13	1	10	15	65	TLJOC	Vietnamese
5	VŨ VIỆT HUÂN	HSD	88	1	15		71	TLJOC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC SƠN	HSD	87	1	10		75	TLJOC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	HSD	75-76	2	20		70	TLJOC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIẾP	HSD	91-92	2	20		75	TLJOC	Vietnamese
9	BUI HAI NAM	HSD	73-74	2	12		60	TLJOC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SANG	HSD	89-90	2	14		70	TLJOC	Vietnamese
11	ĐOÀN THANH MAI	HSD	95	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ TRUNG HIỆU	HSD	93-94	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ HỮU NAM	P4	04	1	10	18	70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO MINH TUÂN	P4	07	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN ANH ĐỨC	P4	06	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
16	LÂM XUÂN HAI	P4	08	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	40	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	42	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	43	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	CTK3	39	1	14		55	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUỐC	CTK3	40-41	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	12	21	169	860	15	2		
2	P4	5	5	42	366	18	5		
3	CTK3	4	5	43	276	0	1		
TOTAL		21	31	254	1.502	33	8		
WEIGHT KG				254	1.502	33			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: P5 - BK8 - BK10	CREW: Dương - Hạnh - MQUÂN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OVCHARENKO	P5	99	1	7		80	KH-THAC	Russian
2	TRẦN NGỌC THỂ	P5	95-96	2	19	30	67	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN VIỆT	P5	75	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÌNH VŨ TIỀN	P5	87	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN VUI	P5	85-86	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
6	LE QUỐC HUONG	P5	80	1	12		73	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VĂN CHUNG	P5	88-89	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO QUỐC HÙNG	P5	97-98	2	22		62	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN BA QUÝ	P5	76-77	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ CƯ	P5	83-84	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
11	QUAN HỒNG QUANG	P5	92-93	2	11		67	XAYLAP	Vietnamese
12	PHÙNG VĂN CUÔNG	P5	78-79	2	25		81	XAYLAP	Vietnamese
13	DƯƠNG VĂN QUÂN	P5	81-82	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI VĂN TUYẾN	P5	94	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	P5	90-91	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	15	25	233	1.025	30	12		CHUYỂN 4 PAX TỪ BK8 SANG BK10
2	BK8	0	0	0	0	0	0	4	
3	BK10	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		15	25	233	1.025	30	12		
WEIGHT KG				233	1.025	30			

GRAND TOAL: 1.288 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN